

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THÀNH THÀNH CÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2023/CBTT-TTCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG**

- Mã chứng khoán: VNG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 1900 55 88 55 Fax:
- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công công bố thông tin về việc Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (theo file đính kèm)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2023 tại đường dẫn <https://ttchospitality.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Trân trọng.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**PHAN THỊ HỒNG VÂN**

# **Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Phê duyệt của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 48

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 ngày 11 tháng 5 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch	
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên	
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Châu Thị Kim Phước	Phó Tổng Giám đốc Điều hành	bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2023
Ông Đặng Đình Việt	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2023
		bổ nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2022

### ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên	
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phan Thị Hồng Vân.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.


Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

## PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị đã phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị: 



Phan Thị Hồng Vân  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 11950306/22989048/FN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

11/03/2023

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



---

Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1588-2023-004-1



---

Trần Thanh Thúy  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3076-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>458.860.518.872</b>	<b>364.609.098.397</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>17.851.129.504</b>	<b>4.337.878.882</b>
111	1. Tiền		10.851.129.504	4.337.878.882
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>439.407.923.588</b>	<b>355.734.076.848</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	42.980.965.275	21.923.868.926
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	91.342.635.049	118.781.615.275
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	112.357.500.000	66.620.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	195.201.478.632	152.523.150.214
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 8	(2.474.655.368)	(4.134.640.275)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	20.082.708
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>977.886.505</b>	<b>790.655.590</b>
141	1. Hàng tồn kho		977.886.505	790.655.590
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>623.579.275</b>	<b>3.746.487.077</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	553.257.079	362.794.259
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	70.322.196	3.376.766.692
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	6.926.126



TÀI SẢN NGẮN HẠN



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.650.644.986.442</b>	<b>1.335.537.909.477</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>355.671.893.356</b>	<b>10.750.000.000</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	29	2.916.000.000	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	29	4.620.893.356	-
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn	7	348.100.000.000	10.750.000.000
216	4. Phải thu dài hạn khác		35.000.000	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>125.847.154.608</b>	<b>129.623.297.019</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	98.044.739.456	100.665.528.918
222	Nguyên giá		171.977.318.283	173.606.536.558
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(73.932.578.827)	(72.941.007.640)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	27.802.415.152	28.957.768.101
228	Nguyên giá		40.916.735.812	40.916.735.812
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.114.320.660)	(11.958.967.711)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.859.836.725</b>	<b>1.560.047.836</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.859.836.725	1.560.047.836
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>1.161.581.038.788</b>	<b>1.183.305.282.303</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	946.956.579.312	946.756.579.312
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	225.394.459.724	248.554.784.724
253	3. Đầu tư dài hạn khác	14.3	1.206.295.000	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.2	(11.976.295.248)	(12.006.081.733)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.685.062.965</b>	<b>10.299.282.319</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	5.126.302.379	10.299.282.319
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		558.760.586	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.109.505.505.314</b>	<b>1.700.147.007.874</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>913.778.868.176</b>	<b>515.202.901.931</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>301.623.751.017</b>	<b>341.714.463.803</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	33.938.054.954	12.775.865.396
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	64.431.468.871	47.491.251.979
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	11.250.811.376	2.545.784.559
314	4. Phải trả người lao động		296.517.958	12.202.637
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	9.346.812.778	3.527.085.701
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		263.702.053	67.290.910
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	27.231.548.001	65.348.899.880
320	8. Vay ngắn hạn	20	154.596.056.588	209.470.556.019
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.14	268.778.438	475.526.722
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>612.155.117.159</b>	<b>173.488.438.128</b>
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	29	-	12.373.000.000
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		80.764.309	-
337	3. Phải trả dài hạn khác	19	60.852.404.716	14.002.404.716
338	4. Vay dài hạn	20	551.221.948.134	147.113.033.412
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.195.726.637.138</b>	<b>1.184.944.105.943</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.195.726.637.138</b>	<b>1.184.944.105.943</b>
411	1. Vốn cổ phần		972.766.080.000	972.766.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		972.766.080.000	972.766.080.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		106.459.866.414	106.459.866.414
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.719.655.738	6.719.655.738
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		109.781.034.986	98.998.503.791
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		98.998.503.791	94.884.324.628
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		10.782.531.195	4.114.179.163
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.109.505.505.314</b>	<b>1.700.147.007.874</b>

Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập

Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng

Rhan Thị Hồng Vân  
Chủ tịch


Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	353.669.171.370	125.199.541.569
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(280.421.146.741)	(123.882.178.797)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		73.248.024.629	1.317.362.772
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	81.429.723.412	82.938.674.809
22	5. Chi phí tài chính	24	(86.222.707.130)	(34.029.072.493)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(76.775.223.685)	(29.845.816.613)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(16.036.078.628)	(7.268.222.923)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(38.152.839.569)	(38.726.123.119)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.266.122.714	4.232.619.046
31	9. Thu nhập khác	26	991.638.012	578.537.041
32	10. Chi phí khác	26	(1.631.894.136)	(696.976.924)
40	11. Lỗ khác	26	(640.256.124)	(118.439.883)
50	12. Tổng lợi nhuận trước thuế		13.625.866.590	4.114.179.163
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(3.402.095.981)	-
52	14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	558.760.586	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		10.782.531.195	4.114.179.163

  
Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập

  
Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng

  
Phan Thị Hồng Vân  
Chủ tịch



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>13.625.866.590</b>	<b>4.114.179.163</b>
	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	11, 12	6.013.269.744 (1.689.771.392)	6.498.680.817 7.594.012.789
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng			
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.201.612 (79.996.615.530)	(896.056) (82.938.210.981)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư			
06	Chi phí lãi vay	24	76.775.223.685	29.845.816.613
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>14.730.174.709</b>	<b>(34.886.417.655)</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(38.288.838.698)	(81.932.959.884)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(187.230.915)	251.468.518
11	Tăng các khoản phải trả		43.311.129.137	39.249.807.264
12	Giảm chi phí trả trước		4.982.517.120	7.196.103.973
14	Tiền lãi vay đã trả		(73.940.149.565)	(28.941.038.595)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.037.211.672)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(206.748.284)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(49.599.146.496)</b>	<b>(100.100.248.051)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(6.386.054.567)	(406.421.328)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		2.374.727.273	29.800.000
23	Tiền chi cho vay		(600.087.500.000)	(86.650.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		217.000.000.000	91.290.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(200.000.000)	(129.560.875.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.400.000.000	44.350.370.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		50.779.010.733	36.836.903.976
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(286.119.816.561)</b>	<b>(44.110.222.352)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	20	844.701.032.083	469.325.469.173
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(495.466.616.792)	(354.273.575.739)
36	Cổ tức đã trả	21.2	-	(15.672.250)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>349.234.415.291</b>	<b>115.036.221.184</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>13.515.452.234</b>	<b>(29.174.249.219)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>4.337.878.882</b>	<b>33.509.813.240</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.201.612)	2.314.861
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>17.851.129.504</b>	<b>4.337.878.882</b>

Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập

Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng



Phan Thị Hồng Vân  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 ngày 11 tháng 05 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 178 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 167 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định như chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

342  
TY  
AN  
CH  
HCC  
HO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	39 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Tài sản khác	6 - 25 năm





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

#### 3.9 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí hợp tác kinh doanh;
- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng.

#### 3.11 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

#### 3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty bằng VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác*

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

350  
C  
C  
TH  
Đ

15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	360.684.670	85.278.852
Tiền gửi ngân hàng	10.355.205.421	4.220.314.380
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	7.000.000.000	-
Tiền đang chuyển	135.239.413	32.285.650
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.851.129.504</b>	<b>4.337.878.882</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 3%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, toàn bộ các khoản tiền gửi này đã được dung làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	33.420.012.905	11.399.092.688
Các khách hàng khác	9.560.952.370	10.524.776.238
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.980.965.275</b>	<b>21.923.868.926</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.436.295.368)	(3.590.502.326)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>40.544.669.907</b>	<b>18.333.366.600</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.590.502.326	175.532.427
Dự phòng trích lập trong năm	-	3.414.969.899
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.154.206.958)	-
Số cuối năm	2.436.295.368	3.590.502.326

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	73.427.858.933	61.441.806.904
Công ty Cổ phần Khách sạn Hoàng Cung	68.000.000.000	60.000.000.000
Khác	5.427.858.933	1.441.806.904
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	17.914.776.116	57.339.808.371
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91.342.635.049</b>	<b>118.781.615.275</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	-	(134.315.460)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>91.342.635.049</b>	<b>118.647.299.815</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>112.357.500.000</b>	<b>66.620.000.000</b>
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	88.857.500.000	50.120.000.000
Các bên khác (*)	23.500.000.000	16.500.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>348.100.000.000</b>	<b>10.750.000.000</b>
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	348.100.000.000	10.750.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>460.457.500.000</b>	<b>77.370.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo được trình bày như sau:

Bên đi vay	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi
			suất %/năm
Bà Triệu Phi Yến	16.500.000.000	Từ ngày 6 tháng 5 năm 2023 đến ngày 8 tháng 5 năm 2023	10,6
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	7.000.000.000	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2023 đến ngày 4 tháng 2 năm 2023	11,0
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.500.000.000</u></b>		

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	69.514.170.876	39.832.833.646
Ký quỹ	58.564.143.200	61.231.629.600
Tạm ứng cho nhân viên	37.249.134.337	48.542.134.881
Lãi cho vay phải thu	4.904.655.358	2.894.148.501
Khác	24.969.374.861	22.403.586
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>195.201.478.632</b>	<b>152.523.150.214</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(38.360.000)	(409.822.489)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>195.163.118.632</u></b>	<b><u>152.113.327.725</u></b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	699.111.495	456.854.504
Hàng hóa	120.830.704	333.801.086
Công cụ, dụng cụ	157.944.306	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>977.886.505</u></b>	<b><u>790.655.590</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>553.257.079</b>	<b>362.794.259</b>
Chi phí bảo hiểm	118.486.659	81.542.210
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	108.442.763	34.717.641
Khác	326.327.657	246.534.408
<b>Dài hạn</b>	<b>5.126.302.379</b>	<b>10.299.282.319</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.203.997.856	2.065.009.173
Chi phí hợp tác kinh doanh (*)	2.000.000.000	8.000.000.000
Chi phí sửa chữa	859.897.491	148.960.724
Khác	62.407.032	85.312.422
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.679.559.458</u></b>	<b><u>10.662.076.578</u></b>

(\*) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 531/2019/HĐHTKD/TTCT-ĐT ký với Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ngày 12 tháng 12 năm 2019 để cùng kinh doanh Khu nghỉ dưỡng tại Tỉnh Ninh Thuận. Chi phí này được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2020.

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Số đầu năm	140.051.313.497	13.287.078.519	14.332.773.643	2.107.703.487	3.827.667.412	173.606.536.558
Mua mới	5.313.293.128	683.872.550	-	-	-	5.997.165.678
Thanh lý	-	(150.831.465)	(7.475.552.488)	-	-	(7.626.383.953)
Số cuối năm	145.364.606.625	13.820.119.604	6.857.221.155	2.107.703.487	3.827.667.412	171.977.318.283
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	2.223.548.547	2.776.062.930	-	1.509.262.543	-	6.508.874.020
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	53.602.258.288	8.219.454.318	7.115.400.879	1.661.533.484	2.342.360.671	72.941.007.640
Khấu hao trong năm	2.966.306.764	806.714.334	784.746.392	92.846.545	207.302.760	4.857.916.795
Thanh lý	-	(109.317.536)	(3.757.028.072)	-	-	(3.866.345.608)
Số cuối năm	56.568.565.052	8.916.851.116	4.143.119.199	1.754.380.029	2.549.663.431	73.932.578.827
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	86.449.055.209	5.067.624.201	7.217.372.764	446.170.003	1.485.306.741	100.665.528.918
Số cuối năm	88.796.041.573	4.903.268.488	2.714.101.956	353.323.458	1.278.003.981	98.044.739.456

**Trong đó:**  
Tài sản thế chấp cho các  
khoản vay  
(Thuyết minh số 20)

24.494.419.265 - - 418.020.576 - - 24.912.439.841



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	38.892.426.817	1.276.000.000	748.308.995	40.916.735.812
Trong đó: Đã hao mòn hết	-	171.000.000	-	171.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	10.947.890.183	599.716.490	411.361.038	11.958.967.711
Hao mòn trong năm	995.057.676	92.018.687	68.276.586	1.155.352.949
Số cuối năm	11.942.947.859	691.735.177	479.637.624	13.114.320.660
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	27.944.536.634	676.283.510	336.947.957	28.957.768.101
Số cuối năm	26.949.478.958	584.264.823	268.671.371	27.802.415.152

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Khu vui chơi Phú Quốc	1.470.947.836	1.470.947.836
Dự án Khu phức hợp TTC Gia Lai	388.888.889	-
Khác	-	89.100.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.859.836.725</b>	<b>1.560.047.836</b>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 14.1</i> )	946.956.579.312	946.756.579.312
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 14.2</i> )	225.394.459.724	248.554.784.724
Đầu tư dài hạn khác ( <i>Thuyết minh số 14.3</i> )	1.206.295.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.173.557.334.036</b>	<b>1.195.311.364.036</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(11.976.295.248)	(12.006.081.733)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.161.581.038.788</b>	<b>1.183.305.282.303</b>

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm			% sở hữu
		Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị thuần (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị thuần (VND)	
Công ty TNHH Du lịch TTC	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	483.295.516.000	-	483.295.516.000	483.295.516.000	-	483.295.516.000	100
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và vui chơi giải trí	442.218.911.050	-	442.218.911.050	442.218.911.050	-	442.218.911.050	100
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	13.081.152.262	-	13.081.152.262	13.081.152.262	-	13.081.152.262	100
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Dịch vụ lữ hành	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	(781.163.107)	4.218.836.893	100
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	100
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	2.361.000.000	-	2.361.000.000	2.161.000.000	(1.440.672.513)	720.327.487	100
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>946.956.579.312</b>	<b>-</b>	<b>946.956.579.312</b>	<b>946.756.579.312</b>	<b>(2.221.835.620)</b>	<b>944.534.743.692</b>	

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm			% sở hữu	
		Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị thuần (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị thuần (VND)		
Công ty Cổ phần Du lịch Vinegolf Angkor	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	24.772.623.054	(11.976.295.248)	12.796.327.806	49,00	24.772.623.054	(9.784.246.113)	14.988.376.941	49,00
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Dịch vụ nhà hàng	18.962.331.670	-	18.962.331.670	20,75	18.962.331.670	-	18.962.331.670	20,75
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình ("Công ty Thanh Bình") (*)	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	-	-	-	-	23.160.325.000	-	23.160.325.000	22,38
Công ty Cổ phần Năng lượng sạch Ninh Thuận	Năng lượng mặt trời	110.998.205.000	-	110.998.205.000	44,43	110.998.205.000	-	110.998.205.000	44,43
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Bất động sản	70.661.300.000	-	70.661.300.000	42,17	70.661.300.000	-	70.661.300.000	42,17
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>225.394.459.724</b>	<b>(11.976.295.248)</b>	<b>213.418.164.476</b>		<b>248.554.784.724</b>	<b>(9.784.246.113)</b>	<b>238.770.538.611</b>	

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 21,21% cổ phần của trong Công ty Thanh Bình cho nhà đầu tư khác với tổng giá phí chuyển nhượng là 50.400.000.000 VND. Theo đó, Công ty Thanh Bình không còn là công ty liên kết của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Thanh Bình là 1,17%.

Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng với tổng giá trị là 28.445.970.000 VND (Thuyết minh số 22.2).

Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 14.3 Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm			% sở hữu
		Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	
Công ty Thanh Bình (Thuyết minh số 14.2)	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	1.206.295.000	-	1.206.295.000	-	-	1,17	-

Giá trị hợp lý khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	20.310.696.879	7.619.740.997
Các bên khác	<u>13.627.358.075</u>	<u>5.156.124.399</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>33.938.054.954</u></b>	<b><u>12.775.865.396</u></b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	44.707.321.569	44.717.405.470
Các bên khác	<u>19.724.147.302</u>	<u>2.773.846.509</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>64.431.468.871</u></b>	<b><u>47.491.251.979</u></b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.065.648.805	28.133.103.087	(22.775.605.758)	7.423.146.134
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.395.169.855	-	3.395.169.855
Thuế thu nhập cá nhân	368.949.605	3.896.340.323	(3.880.005.034)	385.284.894
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	96.547.724	(79.480.452)	17.067.272
Thuế khác	<u>111.186.149</u>	<u>385.187.713</u>	<u>(466.230.641)</u>	<u>30.143.221</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.545.784.559</u></b>	<b><u>35.906.348.702</u></b>	<b><u>(27.201.321.885)</u></b>	<b><u>11.250.811.376</u></b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.376.766.692	15.833.432.166	(19.139.876.662)	70.322.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>6.926.126</u>	<u>-</u>	<u>(6.926.126)</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.383.692.818</u></b>	<b><u>15.833.432.166</u></b>	<b><u>(19.146.802.788)</u></b>	<b><u>70.322.196</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	3.887.941.993	1.052.867.873
Chi phí thuê đất	3.426.318.939	-
Thù lao HĐQT, lương tháng 13 và thưởng	1.469.605.845	2.082.448.266
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	450.856.163	54.000.000
Khác	112.089.838	337.769.562
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.346.812.778</u></b>	<b><u>3.527.085.701</u></b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>27.231.548.001</b>	<b>65.348.899.880</b>
Chi phí lãi vay	10.654.491.776	3.828.744.206
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	8.627.152.407	58.404.449.161
Nhận ký quỹ	920.000.000	1.220.000.000
Chi hộ	540.476.000	-
Cổ tức phải trả	238.998.150	238.998.150
Khác	6.250.429.668	1.656.708.363
<b>Dài hạn</b>	<b>60.852.404.716</b>	<b>14.002.404.716</b>
Phải trả theo Thỏa thuận Hợp tác (*)	46.350.000.000	-
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	11.919.404.716	11.919.404.716
Nhận ký quỹ	2.583.000.000	2.083.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>88.083.952.717</u></b>	<b><u>79.351.304.596</u></b>

(\*) Đây là góp vốn nhận từ Công ty Thanh Bình theo Thỏa thuận Hợp tác Góp vốn Đầu tư Số 261/2022/HĐHTKD/TTC-TB ký ngày 1 tháng 12 năm 2022 để đầu tư và phát triển kinh doanh dự án Khách sạn TTC Cần Thơ và TTC Đà Lạt. Theo đó, các bên được chia sẻ lợi nhuận theo từng kỳ phân chia, dựa theo hiệu quả hoạt động kinh doanh và thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY

	Số đầu năm	Vay	Phân loại lại	Trả nợ vay	Số cuối năm
					VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>209.470.556.019</b>	<b>283.499.476.342</b>	<b>8.905.371.829</b>	<b>(347.279.347.602)</b>	<b>154.596.056.588</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	138.820.284.655	246.699.476.342	-	(246.907.181.046)	138.612.579.951
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 29)	47.700.000.000	26.800.000.000	-	(74.500.000.000)	-
Vay bên khác (Thuyết minh số 20.2)	22.200.000.000	10.000.000.000	-	(25.121.895.192)	7.078.104.808
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	750.271.364	-	8.905.371.829	(750.271.364)	8.905.371.829
<b>Dài hạn</b>	<b>147.113.033.412</b>	<b>561.201.555.741</b>	<b>(8.905.371.829)</b>	<b>(148.187.269.190)</b>	<b>551.221.948.134</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.3)	28.055.756.105	8.706.583.205	(8.905.371.829)	(18.437.543.663)	9.419.423.818
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	73.409.750.000	3.000.000.000	-	(76.409.750.000)	-
Trái phiếu (Thuyết minh số 20.4)	-	494.759.703.194	-	-	494.759.703.194
Vay các bên khác (Thuyết minh số 20.5)	45.647.527.307	54.735.269.342	-	(53.339.975.527)	47.042.821.122
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>356.583.589.431</b>	<b>844.701.032.083</b>	<b>-</b>	<b>(495.466.616.792)</b>	<b>705.818.004.722</b>

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
-----------	--------------------	-----------------------	-------------------	----------	-------------------

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk

Khoản vay 1	69.395.435.440	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2023 đến ngày 5 tháng 6 năm 2023	đến 8,6 lưu động đến 12,7	Tài trợ vốn	Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú; Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ Phần Toàn Hải Vân và 3 triệu cổ phiếu TTCL thuộc sở hữu của bà Huỳnh Bích Ngọc
-------------	----------------	--	---------------------------------	-------------	---

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh

Khoản vay 1	39.871.197.744	Từ ngày 15 tháng 1 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	đến 8,5	Tài trợ vốn lưu động	Quyền sử dụng đất và các tài sản liên quan khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Khai Thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh
-------------	----------------	---	---------	-------------------------	--

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định

Khoản vay 1	29.345.946.767	Từ ngày 4 tháng 3 năm 2023 đến ngày 23 tháng 8 năm 2023	đến 9,1	Tài trợ vốn lưu động	Quyền sử dụng đất và các tài sản liên quan khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú và các khoản tiền gửi có kỳ hạn.
-------------	----------------	--	---------	-------------------------	---

**TỔNG CỘNG** 138.612.579.951



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.2 Vay ngắn hạn từ bên khác

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên khác như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín					
Khoản vay 1	<u>7.078.104.808</u>	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	9,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.078.104.808</u></b>				

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk</b>					
Khoản vay 1	18.144.075.641	Ngày 22 tháng 4 năm 2024 đến ngày 29 tháng 10 năm 2025	8,5 + biên độ khách sạn Cần Thơ, nhà hàng nướng	Sửa chữa Mua tài sản	Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú; Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ Phần Toàn Hải Vân và 3 triệu cổ phiếu TTCI thuộc sở hữu của bà Huỳnh Bích Ngọc
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình</b>					
Khoản vay 1	114.800.000	Ngày 17 tháng 12 năm 2023	Từ 8,8 đến 10,7	Mua tài sản	Phương tiện vận tải
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>					
Khoản vay 1	65.920.006	Ngày 28 tháng 6 năm 2023	9,9	Mua tài sản	Phương tiện vận tải
	<b>18.324.795.647</b>				

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	8.905.371.829
Vay dài hạn	9.419.423.818

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY (tiếp theo)

#### 20.4 Trái phiếu dài hạn

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành theo mệnh giá như sau:

Tổ chức sắp xếp phát hành	Số cuối năm Kỳ hạn trả gốc và lãi	Mục đích phát hành	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND			
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam</b>				
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	36 tháng	9,5	Bất động sản và động sản, quyền tài sản của Công ty, Công ty TNHH Du lịch TTC ("DL TTC"), Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận, Công ty Cổ phần Du lịch Bền Tre, phần vốn góp tại DL TTC, Quyền tài sản
Chi phí phát hành trái phiếu	(5.240.296.806)	Trả nợ vay, cấp khoản vay cho công ty con, công ty liên kết		Thung lũng tinh yêu
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>494.759.703.194</b>			
Trong đó:				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-			
Trái phiếu dài hạn	494.759.703.194			

#### 20.5 Các khoản vay dài hạn từ các bên khác

Đây là các khoản vay của các cán bộ công nhân viên trong Công ty để tài trợ vốn lưu động trong năm, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2024, chịu lãi suất từ 10,75% đến 12%/năm và không có tài sản đảm bảo.



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					VND
Số đầu năm	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	94.884.324.628	1.180.829.926.780
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.114.179.163	4.114.179.163
Số cuối năm	<u>972.766.080.000</u>	<u>106.459.866.414</u>	<u>6.719.655.738</u>	<u>98.998.503.791</u>	<u>1.184.944.105.943</u>
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	98.998.503.791	1.184.944.105.943
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	10.782.531.195	10.782.531.195
Số cuối năm	<u>972.766.080.000</u>	<u>106.459.866.414</u>	<u>6.719.655.738</u>	<u>109.781.034.986</u>	<u>1.195.726.637.138</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	972.766.080.000	972.766.080.000
Tăng	-	-
Số cuối năm	<u>972.766.080.000</u>	<u>972.766.080.000</u>
<b>Cổ tức đã trả</b>	-	<b>15.672.250</b>

**21.3 Cổ phiếu**

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đang lưu hành	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608	97.276.608

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	324.077.161.086	111.355.457.361
Doanh thu thuần về bán hàng	29.584.383.829	13.844.084.208
Doanh thu khác	7.626.455	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>353.669.171.370</u></b>	<b><u>125.199.541.569</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần đối với các bên khác</i>	225.389.239.122	72.712.411.711
<i>Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	128.279.932.248	52.487.129.858

075  
CÔNG  
CỐ PH  
U LỊ  
THÀNH  
T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU (tiếp theo)**

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	28.445.970.000	44.350.370.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.379.182.755	9.485.903.981
Cổ tức được chia	8.600.000.000	29.100.000.000
Khác	4.570.657	2.400.828
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>81.429.723.412</u></b>	<b><u>82.938.674.809</u></b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cung cấp	250.893.506.735	110.518.756.004
Giá vốn hàng bán	29.527.640.006	13.363.422.793
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>280.421.146.741</u></b>	<b><u>123.882.178.797</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	76.775.223.685	29.845.816.613
Chi phí phát hành trái phiếu	9.083.059.357	-
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(29.786.485)	4.179.042.890
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	450.137	4.184.216
Chi phí khác	393.760.436	28.774
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>86.222.707.130</u></b>	<b><u>34.029.072.493</u></b>

34  
T  
A  
C  
H  
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	8.852.151.778	5.701.898.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.502.645.208	143.270.256
Chi phí khấu hao và hao mòn	26.808.783	14.623.752
Chi phí khác	2.654.472.859	1.408.430.504
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.036.078.628</b>	<b>7.268.222.923</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	27.405.716.153	18.929.044.238
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.412.262.768	8.146.918.981
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.257.759.409	1.437.608.160
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	(1.189.169.947)	3.414.969.899
Chi phí khác	4.266.271.186	6.797.581.841
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>38.152.839.569</b>	<b>38.726.123.119</b>

**26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>991.638.012</b>	<b>578.537.041</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản	121.562.036	370.743.545
Thu tiền bồi thường	-	4.548.036
Thu nhập khác	870.075.976	203.245.460
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.631.894.136</b>	<b>696.976.924</b>
Chi phí thanh lý tài sản	1.435.164.644	452.597.924
Tiền phạt	70.501.616	-
Chi phí khác	126.227.876	244.379.000
<b>LỖ KHÁC THUẦN</b>	<b>(640.256.124)</b>	<b>(118.439.883)</b>

**27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.043.973.926	103.592.377.609
Chi phí nhân viên	47.299.976.306	31.664.354.226
Chi phí nguyên vật liệu	49.975.308.153	13.363.422.793
Chi phí khấu hao và hao mòn		
(Thuyết minh số 11 và 12)	6.013.269.744	6.498.680.817
Chi phí khác	16.221.667.689	14.757.689.394
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>334.554.195.818</b>	<b>169.876.524.839</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.402.095.981	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(558.760.586)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.843.335.395</b>	<b>-</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>13.625.866.590</b>	<b>4.114.179.163</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	2.725.173.318	822.835.833
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	126.934.972	2.557.067.468
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	3.318.682.183	-
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại	438.409.827	391.441.454
Lỗi chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại	(2.045.864.905)	2.045.864.905
Cổ tức được chia	(1.720.000.000)	(5.820.000.000)
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi chưa ghi nhận thuế hoãn lại	-	2.790.340
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>2.843.335.395</b>	<b>-</b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí trích trước	558.760.586	-	558.760.586	-
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>558.760.586</b>	<b>-</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>558.760.586</b>	<b>-</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Công ty con
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Công ty con
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan	Công ty con
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Công ty con
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Công ty con
Công ty TNHH BVB Bình Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ Phần Thành Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND
			Năm trước
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Mua dịch vụ	37.297.682.470	13.663.936.747
	Dịch vụ tư vấn	16.000.000.000	9.000.000.000
	Lãi cho vay	3.436.213.695	4.462.870.927
	Cổ tức được chia	3.000.000.000	13.500.000.000
	Bán hàng hóa	1.207.186.893	58.814.799
	Chi phí khác	912.885.803	254.677.272
	Dịch vụ khác	487.345.780	437.536.480
	Mua hàng hóa	212.085.386	61.903.987
	Dịch vụ lưu trú	105.826.633	1.393.938
	Chi phí lãi vay	83.237.302	-
	Thu nhập thanh lý tài sản	21.113.925	-
	Thu nhập thanh lý công ty con	-	8.545.000.000
	Phí tư vấn	-	5.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	22.942.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	21.801.143	
Công ty TNHH Du lịch TTC	Mua dịch vụ	52.775.076.864	27.316.541.640
	Lãi cho vay	25.946.334.244	721.298.630
	Bán hàng hóa	12.919.240.236	3.712.344.900
	Dịch vụ tư vấn	4.500.000.000	18.000.000.000
	Dịch vụ khác	641.889.800	520.510.085
	Dịch vụ lưu trú	32.925.507	7.722.942
	Mua hàng hóa	851.857	8.497.443
	Thu nhập thanh lý công ty con	-	16.235.500.000
	Cổ tức được chia	-	15.600.000.000
	Chi phí lãi vay	-	167.341.097
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	12.974.545
Chi phí khác	-	2.239.989	
Cung cấp dịch vụ	-	567.965	
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Mua dịch vụ	10.344.376.293	4.294.666.657
	Lãi cho vay	9.050.498.356	4.077.621.376
	Bán hàng hóa	3.571.381.168	2.000.876.147
	Doanh thu hợp tác kinh doanh	3.328.912.545	306.120.560
	Dịch vụ tư vấn	2.500.000.000	-
	Chi phí khác	93.589.130	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Dịch vụ khác	69.880.000	76.179.909
	Mua dịch vụ	13.901.041.645	1.219.319.943
	Bán hàng hóa	9.748.053.897	2.225.201.723
	Dịch vụ tư vấn	2.700.000.000	-
	Lãi cho vay	212.277.534	323.354.793
Dịch vụ khác	130.244.000	117.267.000	
Chi phí lãi vay	-	70.421.917	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND
			Năm trước
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Mua dịch vụ	14.477.091.141	11.679.830.047
	Lãi cho vay	517.946.924	1.359.853.147
	Bán hàng hóa	90.101.887	271.000
	Dịch vụ khác	72.610.000	-
	Chi phí khác	25.166.667	69.258.182
	Thu nhập thanh lý công ty con	-	4.016.150.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Mua dịch vụ	12.150.218.254	1.140.522.758
	Dịch vụ tư vấn	4.000.000.000	-
	Lãi cho vay	814.201.641	1.244.515.068
	Dịch vụ khác	224.187.911	198.476.208
	Bán hàng hóa	138.884.635	15.782.000
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Cung cấp dịch vụ	55.998.966.363	4.495.204.107
	Chi phí khác	4.847.086.565	-
	Dịch vụ lưu trú	461.746.172	3.110.087.718
	Dịch vụ tư vấn	300.000.000	-
	Dịch vụ khác	19.676.789	13.327.273
	Bán hàng hóa	5.220.631	-
	Mua dịch vụ	-	770.231.844
Công ty Cổ Phần Thành Thành Nam	Cổ tức được chia	5.600.000.000	-
	Chi phí thuê văn phòng	3.287.117.760	-
	Chi phí khác	403.372.356	1.355.466.836
	Dịch vụ lưu trú	3.750.000	-
	Cung cấp dịch vụ	-	61.739.593
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Mua dịch vụ	3.614.310.323	986.207.455
	Chi phí lãi vay	2.304.356.162	1.701.369.864
	Dịch vụ lưu trú	163.296.298	12.715.147
	Thu nhập thanh lý tài sản cố định	2.000.000	2.931.834.364
	Cung cấp dịch vụ	-	148.731.576
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Chi phí lãi vay	1.241.306.848	-
	Dịch vụ lưu trú	4.412.458	-
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Chi phí được chia từ BCC	924.000.000	654.500.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Dịch vụ lưu trú	41.879.208	48.184.729
	Bán hàng hóa	2.379.000	3.843.000
	Lãi cho vay	1.712.329	-
	Thanh lý tài sản	-	3.300.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	53.149.514
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Dịch vụ lưu trú	93.397.291	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
Công ty TNHH Du lịch TTC	Cung cấp dịch vụ	8.742.591.604	6.988.744.500
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Cung cấp dịch vụ	6.234.294.540	1.848.792.655
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Cung cấp dịch vụ	4.871.621.800	902.795.849
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Cung cấp dịch vụ	3.931.864.203	303.664.028
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Cung cấp dịch vụ	3.829.185.400	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Cung cấp dịch vụ	2.904.757.984	716.265.988
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Cung cấp dịch vụ	2.566.308.221	399.282.700
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Cung cấp dịch vụ	253.669.228	76.482.100
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	55.998.757	-
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Cung cấp dịch vụ	21.333.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cung cấp dịch vụ	4.200.000	49.674.000
Công ty TNHH Chăm sóc Sức Khỏe Ngọc Lan	Cung cấp dịch vụ	4.187.768	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Cung cấp dịch vụ	-	51.651.275
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Cung cấp dịch vụ	-	61.739.593
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>33.420.012.905</u></b>	<b><u>11.399.092.688</u></b>
<b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Cung cấp dịch vụ	<u>2.916.000.000</u>	-
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Mua dịch vụ	10.398.662.280	28.519.115.327
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Mua dịch vụ	5.300.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch TTC	Mua dịch vụ	1.684.274.986	4.090.909.091
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Mua dịch vụ	284.127.850	19.400.000.000
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Mua dịch vụ	177.805.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Mua dịch vụ	68.806.000	205.576.897
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Mua dịch vụ	1.100.000	-
Công ty Cổ phần Núi Tà Cú	Mua dịch vụ	-	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Mua dịch vụ	-	24.207.056
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>17.914.776.116</u></b>	<b><u>57.339.808.371</u></b>

30  
 CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG  
 BÌNH THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>			
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Cung cấp dịch vụ	4.620.893.356	-
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)</b>			
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Cho vay	37.820.000.000	38.770.000.000
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Cho vay	34.937.500.000	1.750.000.000
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Cho vay	10.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Cho vay	5.900.000.000	9.600.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>88.857.500.000</b>	<b>50.120.000.000</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày như sau:

Bên đi vay	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất
			%/năm
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	37.820.000.000	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2023 đến ngày 29 tháng 12 năm 2023	10,8
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	34.937.500.000	Từ ngày 26 tháng 5 năm 2023 đến ngày 20 tháng 12 năm 2023	Từ 11 đến 13
Công ty TNHH Du Lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	10.200.000.000	Ngày 23 tháng 12 năm 2023	13,0
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	5.900.000.000	Ngày 12 tháng 8 năm 2023	10,8
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.857.500.000</b>		

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (*)</b>			
Công ty TNHH Du lịch TTC	Cho vay	258.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Cho vay	42.000.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Cho vay	34.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến tre	Cho vay	13.500.000.000	10.750.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>348.100.000.000</b>	<b>10.750.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

(\*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay dài hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày như sau:

Bên đi vay	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Công ty TNHH Du lịch TTC	258.200.000.000	Từ ngày 9 tháng 1 năm 2025 đến ngày 19 tháng 5 năm 2025	12,0
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	42.000.000.000	Ngày 9 tháng 1 năm 2025	12,0
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	34.400.000.000	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2024 đến ngày 28 tháng 6 năm 2024	12,0
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	13.500.000.000	Từ ngày 20 tháng 12 năm 2024 đến ngày 21 tháng 12 năm 2024	14,0
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>348.100.000.000</u></b>		

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty TNHH Du lịch TTC	Lãi cho vay	18.846.334.244	851.949.325
	Chi hộ	18.661.459.762	4.446.868.276
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Cổ tức được chia	-	6.600.000.000
	Đặt cọc	-	2.860.808.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Chi hộ	7.931.963.800	1.037.890.945
	Cổ tức được chia	7.500.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Nam Bình Thuận	Lãi cho vay	441.638.355	-
	Chi hộ	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Doanh thu hợp tác kinh doanh	5.523.923.534	2.050.904.093
	Lãi cho vay	1.593.206.835	4.441.207.021
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Chi hộ	166.018.000	3.504.392.900
	Cổ tức được chia	5.600.000.000	-
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Lãi cho vay	2.077.635.414	1.559.688.490
	Chi hộ	667.406.551	1.414.942.700
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình Lâm Đồng	Chi hộ	298.744.102	-
	Lãi cho vay	-	1.696.531.663
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Chi hộ	147.669.640	122.236.856
	Lãi cho vay	55.616.439	102.631.507
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình Lâm Đồng	Chi hộ	2.554.200	1.277.100
	Chi hộ	-	128.003.400
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Chi hộ	-	13.501.370
	Chi hộ	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>69.514.170.876</u></b>	<b><u>39.832.833.646</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Mua dịch vụ	5.514.016.189	1.841.253.700
Công ty TNHH Du lịch TTC	Mua dịch vụ	4.515.184.170	570.687.018
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Mua dịch vụ	4.097.135.800	552.009.000
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Mua dịch vụ	2.887.751.489	1.471.951.215
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Mua dịch vụ	1.311.272.928	789.162.996
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Mua dịch vụ	-	93.187.000
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Mua dịch vụ	670.012.500	442.213.200
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Mua dịch vụ	420.348.393	1.600.764.000
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Mua dịch vụ	420.205.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Mua dịch vụ	364.881.000	15.200.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Mua dịch vụ	109.889.410	242.876.504
Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo	Mua dịch vụ	-	436.364
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>20.310.696.879</u></b>	<b><u>7.619.740.997</u></b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Cung cấp dịch vụ	28.170.527.569	28.800.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Cung cấp dịch vụ	-	10.586.082.227
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	10.833.000.000	27.529.243
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Cung cấp dịch vụ	5.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Cung cấp dịch vụ	3.794.000	3.794.000
Công ty TNHH Du lịch TTC	Cung cấp dịch vụ	-	5.300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>44.707.321.569</u></b>	<b><u>44.717.405.470</u></b>
<b>Người mua trả tiền trước dài hạn</b>			
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	-	12.373.000.000

42  
TỶ  
AN  
H  
CỔ  
HỒ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	VND
			Số đầu năm
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Thu hộ	-	1.277.425.212
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Đặt cọc	4.000.000.000	4.000.000.000
	Khác	21.514.876	21.514.876
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Lãi vay	2.304.356.163	1.701.369.864
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Lãi vay	1.988.547.943	855.486.300
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Chi phí được chia từ BCC	254.100.000	423.500.000
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Thu hộ	37.980.000	4.786.699.019
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Thu hộ	15.380.000	-
Công ty TNHH Du lịch TTC	Đặt cọc	-	45.000.000.000
	Thu hộ	2.150.000	219.723.960
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Thu hộ	1.570.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Lãi vay	1.553.425	83.884.930
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Thu hộ	-	6.440.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Thu hộ	-	28.405.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>8.627.152.407</b>	<b>58.404.449.161</b>
<b>Phải trả dài hạn khác</b>			
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Nhận bàn giao tài sản	11.690.384.304	11.690.384.304
	Chi hộ	229.020.412	229.020.412
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>11.919.404.716</b>	<b>11.919.404.716</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Vay	-	46.000.000.000
Công ty TNHH Du lịch TTC	Vay	-	1.700.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>-</b>	<b>47.700.000.000</b>
<b>Vay dài hạn</b>			
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Vay	-	48.650.000.000
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Vay	-	12.745.000.000
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Vay	-	12.014.750.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>-</b>	<b>73.409.750.000</b>

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

#### Các nghiệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)		VND
		Năm nay	Năm trước	
Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch HĐQT	1.773.325.000	1.230.122.801	
Ông Đặng Đình Việt	Tổng Giám đốc từ ngày 6 tháng 2 năm 2022	2.123.086.800	-	
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	192.000.000	179.200.000	
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT từ ngày 27 tháng 4 năm 2021	192.000.000	128.000.000	
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT đến ngày 26 tháng 4 năm 2022	64.000.000	179.200.000	
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên HĐQT	192.000.000	179.200.000	
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên HĐQT từ ngày 26 tháng 4 năm 2022	128.000.000	-	
Ông Nguyễn Thế Vinh	Chủ tịch HĐQT đến ngày 27 tháng 4 năm 2021	-	450.500.000	
Bà Trần Võ Hiếu Thuận	Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 1 năm 2022	-	883.677.066	
Ông Nguyễn Vũ Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 27 tháng 7 năm 2021	-	492.947.396	
Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên HĐQT đến ngày 27 tháng 4 năm 2021	-	51.200.000	
Ông Đỗ Huy Hiệp	Thành viên HĐQT đến ngày 27 tháng 4 năm 2021	-	51.200.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.664.411.800</b>	<b>3.825.247.263</b>	

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.426.519.360	1.076.265.236
Từ 1 – 5 năm	3.899.509.456	557.606.400
Trên 5 năm	3.485.040.000	3.694.142.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.811.068.816</u></b>	<b><u>5.328.014.036</u></b>

**31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
- USD	1.650,98	3.334,79

**32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

  
 Nguyễn Thị Lan Phương  
 Người lập

  
 Bùi Tấn Khải  
 Kế toán trưởng

  
 Phan Thị Hồng Vân  
 Chủ tịch



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023